

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000  
Khu đô thị số 10, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;*

*Căn cứ Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung Đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 9451/SXD-QH ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc Đề án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị số 10, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (kèm theo Tờ trình số 344/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của UBND thị xã Nghi Sơn).*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị số 10, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với nội dung như sau:

### **1. Phạm vi, ranh giới và diện tích**

a) Phạm vi, ranh giới

Khu vực lập quy hoạch tại vị trí phía Đông Bắc thị xã Nghi Sơn bao gồm một phần diện tích các phường Hải Châu và Hải Ninh, có ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp: Sông Yên;
- Phía Nam giáp: Khu dân cư tổ dân phố Nam Tiến phường Hải Ninh;
- Phía Đông giáp biển;
- Phía Tây giáp: Quốc lộ 1A.

b) Diện tích khu đất nghiên cứu lập quy hoạch: 590ha.

### **2. Tính chất, chức năng khu đô thị**

Là khu đô thị cửa ngõ phía Bắc Khu kinh tế Nghi Sơn với chức năng là: Trung tâm kinh tế - xã hội, dịch vụ thương mại, đánh bắt - nuôi trồng thủy hải sản khu vực Bắc Nghi Sơn và vùng phụ cận.

### **3. Quy mô dân số**

Dân số dự báo khoảng 20.000 người:

- Hiện trạng: 15.070 người (trong đó có khoảng 4.390 người cần đất tái định cư);

- Dân cư mới: 4.930 người.

## 4. Chỉ tiêu đối với quy hoạch phân khu

### 4.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đạt được

- Đất đơn vị ở:
- + Đất ở hiện trạng cải tạo: 179 m<sup>2</sup>/người (192,1ha);
- + Đất ở mới : 40,7 m<sup>2</sup>/người (20,1ha);
- + Đất ở TĐC : 53 m<sup>2</sup>/người (23,3ha);
- + Đất công cộng: 13,1 m<sup>2</sup>/người (13,1ha).
- Đất công cộng cấp đô thị: 5,5 m<sup>2</sup>/người (11ha);
- Đất cây xanh, văn hóa, TĐTT: 7,9 m<sup>2</sup>/người (15,8ha);
- Đất giao thông ( tính đến đường phân khu vực): 63,25 m<sup>2</sup>/người.

### 4.2. Các chỉ tiêu xây dựng

- Công trình công cộng: tầng cao 3-9 tầng, MĐXD 30÷40%.
- Công trình nhà ở:
- + Khu hiện trạng cải tạo: Chỉnh trang và nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Tầng cao trung bình 2÷5 tầng, mật độ xây dựng 40-60%.
- + Khu dự kiến phát triển đất dân cư mới: Khu chung cư, nhà ở xã hội: tầng cao từ 7÷11 tầng, mật độ xây dựng 30÷40%. Khu nhà liên kế: tầng cao trung bình 2÷5 tầng, mật độ xây dựng 40-60%.

\* Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Cấp nước:
- + Nước cấp cho khu du lịch: 200 lít/người, ngày đêm
- + Nước cấp cho khu đô thị: 120 lít/người, ngày đêm
- + Nước cấp cho công trình công cộng: 20m<sup>3</sup>/ha, ngày đêm
- + Nước tưới cây: 20m<sup>3</sup>/ha, ngày
- + Nước dự phòng: 20% tổng lượng nước
- Cấp điện:
- + Điện năng 1500KWh/người/năm; dịch vụ công cộng: 40W/m<sup>2</sup>; khu nghỉ dưỡng: 3KW/giường.
- + Điện cấp cho nhà hàng: 100W/m<sup>2</sup> sàn.
- Thoát nước: Thoát nước mưa và nước thải riêng biệt.
- Rác thải: 1,3kg/người/ngđ. Thu gom và xử lý 100%.

## 5. Các nội dung quy hoạch phân khu

### 5.1. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	TẦNG CAO	MĐXD (%)	HỆ SỐ SĐĐ	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT LẬP QUY HOẠCH					590.00	100.00
A	ĐẤT DÂN DỤNG					274.4	46.68
1	ĐẤT Ở					234.5	39.9
1.1	ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG CẢI TẠO, XEN CƯ	HTCT	2-5	40-60	1,2-3,0	192.0	32.56
1.2	ĐẤT NHÓM NHÀ Ở MỚI	NO	2-11	40-60	1,2-3,3	42.5	7.36
2	ĐẤT CÔNG CỘNG					24.1	4.08
2.1	ĐẤT CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ		3-9	30-40	0.9-3,6	11	1.86
2.2	ĐẤT CÔNG CỘNG ĐƠN VỊ Ở		1-5	30-40	0,3-2,0	13.1	2.22
3	ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở	CX	1	5	0,05	15.8	2.68
B	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG					21.6	3.66
1	ĐẤT CÔNG NGHIỆP	CN	1-2	50-60	0,5-1,2	10.9	1.85
1.1	ĐẤT CẢNG TỔNG HỢP	CTH				2.2	
1.2	ĐẤT CẢNG HẢI CHÂU	CHC				5.3	
1.3	ĐẤT HẬU CẦN CẢNG					3.4	
2	ĐẤT HÀNH CHÍNH, CƠ QUAN	HC	2-5	30-40	0,6-2,0	2.1	0.36
3	ĐẤT GIÁO SỨ YÊN CHÂU	TG	-	-	-	0.7	0.12
4	ĐẤT CÔNG TRÌNH ĐẦU MỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT					2.3	0.39
4.1	ĐẤT BÃI ĐỖ XE	P	-	-	-	1.3	
4.2	ĐẤT TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	XLNT	-	-	-	1.0	
5	ĐẤT CÔNG VIÊN NGHĨA TRANG	CVNT	-	-	-	5.6	0.95
C	ĐẤT GIAO THÔNG VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT		-	-	-	126.5	21.44
D	ĐẤT KHÁC					167.5	28.22
1	ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN	NTTS	1-2	5	0,05-0,1	77.5	12.97
2	ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ	RPH	-	-	-	48.9	8.29
3	ĐẤT BÃI CÁT	CAT	-	-	-	6.8	1.15
4	MẶT NƯỚC		-	-	-	34.3	5.81

## 5.2. Phân khu chức năng

### 5.2.1. Chức năng cấp đô thị:

- Dịch vụ thương mại đô thị: Được bố trí dọc Quốc lộ 1, thuộc cánh đồng tổ dân phố Nam Châu gồm các công trình thương mại, dịch vụ hỗn hợp, tổ hợp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, trạm xăng dầu và một cụm thương mại dịch vụ hỗn hợp phía Bắc đầu cầu đường bộ ven biển.

- Cảng tổng hợp Hải Châu và dịch vụ hậu cần Cảng: Bố trí tại khu vực đầu cầu Ghép. Chức năng này được xác định trong quy hoạch hệ thống cảng đường thủy nội địa của tỉnh Thanh Hóa và QHC đô thị Tĩnh Gia với công suất 150.000T/năm.

- Bến cá Hải Châu: Giữ nguyên vị trí hiện nay tại thôn Liên Hải, phường Hải Châu; mở rộng diện tích nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của ngư dân làm nơi neo đậu, kinh doanh hải sản, kết hợp đóng, sửa chữa tàu thuyền trong khu vực.

### 5.2.2. Chức năng đơn vị ở:

- Công cộng đơn vị ở: Cơ bản giữ nguyên các công trình công cộng hiện có của 2 phường Hải Châu, Hải Ninh có trong khu vực. Tổ chức thêm một số công trình công cộng tại các vị trí thích hợp đảm bảo khoảng cách sử dụng của người dân.

+ Đất hành chính: Giữ nguyên vị trí các công trình hành chính hiện nay của phường Hải Châu và phường Hải Ninh. Mở rộng khu vực hành chính Hải Châu ra hết đất trường mầm non Hải Châu hiện nay. Mở rộng khu hành chính Hải Ninh ra hết đất chợ Kho hiện tại. Khu vực này bao gồm các công trình: công sở phường, công an phường.

+ Đất giáo dục: Cơ bản giữ nguyên vị trí hệ thống trường học hiện nay của 2 phường. Di chuyển trường mầm non Hải Châu lên phía Bắc khu vực trường THCS để mở rộng đất hành chính phường. Xây dựng thêm một cụm trường liên cấp (mầm non, tiểu học) tại khu vực đất công ty muối đã thu hồi.

+ Đất văn hóa - thể thao: Các sân thể thao cơ bản hiện có được giữ nguyên, tổ chức thêm một sân thể thao cơ bản tại khu vực đất công ty muối đã thu hồi, đối diện với đất bố trí cụm trường học. Các công trình nhà văn hóa khu phố được giữ nguyên vị trí. Những công trình nhà văn hóa phải di dời sẽ được tổ chức trong những vị trí thích hợp cho từng khu phố.

+ Chợ: Di chuyển chợ Hải Châu lên khu vực phía Bắc Dự án Khu tổ hợp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của công ty TNHH dịch vụ y tế Thiên Long;

Chợ Kho - Hải Ninh di chuyển sang khu vực phía Tây Quốc lộ 1 (ngoài khu vực phân khu 10).

+ Cây xanh công viên: Tổ chức 02 khu cây xanh công viên tập trung. Một khu tại khu vực sân làm muối của phường Hải Châu, giáp với sông Yên, gần với khu TĐTT tạo nên dải không gian mở cho khu vực; một khu tại cánh đồng Ngâm trên, thôn Nam Tiến, phường Hải Ninh. Ngoài ra còn tổ chức các khu công viên vườn hoa tại những vị trí thích hợp cho từng nhóm ở khu vực.

+ Các khu ở:

Khu ở mới và TĐC: Được quy hoạch tại khu vực phía Tây Bắc khu vực thuộc đất sản xuất nông nghiệp của phường Hải Châu.

Khu ở hiện trạng được khoanh vùng cải tạo dần hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xen ghép thêm đất ở mới tại các khu vực đất sản xuất nông nghiệp xen kẽ trong đất ở hiện trạng.

5.2.3. Đất sản xuất nông nghiệp: Chuyển đổi đất làm diêm nghiệp phía Đông đường bộ ven biển thành đất nuôi trồng thủy sản (hiện tại đã có dự án nuôi trồng thủy sản Cảnh Long 30ha).

### **5.3. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan**

Trên cơ sở nội dung đề án điều chỉnh, mở rộng QHC khu kinh tế Nghi Sơn, QHC đô thị Tĩnh Gia và các quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt. Không gian khu vực được xác định bởi các tuyến đường chính như sau:

- Các trục Bắc Nam: Quốc lộ 1, đường bộ ven biển, tuyến Quốc lộ 1 cũ và một số tuyến đường quy hoạch khác.

- Các trục Đông Tây: tuyến TL 525 kéo dài, tuyến Hải Châu - Ngọc Lĩnh và một số tuyến đường quy hoạch khác.

Toàn khu vực được chia thành 4 khu vực không gian kiến trúc cảnh quan

- Không gian khu vực dân cư hiện có: Các khu ở hiện có được khoanh vùng cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp diện mạo kiến trúc, các công trình có mật độ xây dựng thấp được tổ chức theo kiểu nhà ở có vườn với tầng cao từ 1 đến 3 tầng. Nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật như mở rộng đường giao thông theo tiêu chuẩn, điện chiếu sáng, vệ sinh môi trường... gắn kết hài hòa với khu ở mới.

- Không gian khu vực dân cư mới: Đất ở mới trong khu vực chủ yếu bố trí cho đất ở tái định cư. Hình thức nhà ở chủ yếu là chia lô với tầng cao từ 2-5 tầng. Khu vực bố trí cho dân cư phát triển mới khuyến khích hình thức nhà

ở dạng biệt thự, nhà ở có vườn với tầng cao 2-3 tầng để đa dạng hóa hình thức kiến trúc của khu ở cũng như đáp ứng nhu cầu sử dụng đa dạng của người dân. Khu vực nhà ở xã hội có tầng cao từ 7-11 tầng, hình thức kiến trúc hiện đại, màu sắc trang nhã tạo công trình điểm nhấn cho khu vực.

- Không gian khu vực công cộng: Bao gồm các công trình công cộng đô thị (thương mại, dịch vụ công cộng) với tầng cao 3-7 tầng, công cộng đơn vị ở (hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, c hợ) tầng cao 2-5 tầng . Các công trình này chủ yếu tập trung phía Tây giáp Quốc lộ 1 và sẽ là những điểm nhấn cho toàn khu vực.

- Không gian khu vực sản xuất dọc ven sông Yên:

Khu vực cảnh quan ven sông Yên gắn với hệ thống cảng - hậu cần cảng Tổng hợp, bến cá Hải Châu và khu nuôi trồng thủy sản phía Đông.

Đây là khu vực ven sông hội tụ cảnh quan thiên nhiên rất đẹp của khu vực. Với khu vực này cần có những thiết kế kiến trúc hòa với thiên nhiên cả về hình thức lẫn màu sắc nhưng vẫn đảm bảo công năng sử dụng.

## **6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

### **6.1. Quy hoạch giao thông**

\* Giao thông đối ngoại

- Quốc lộ 1 (MCN 1-1): CGĐĐ rộng 74,0m;

- Đường bộ ven biển, bao gồm:

+ Đoạn thông thường (MCN 2-2): Lòng đường chính:  $8,0 + 8,0 = 16,0\text{m}$ ; phân cách giữa: 3,0m; phân cách bên:  $4,0 + 4,0 = 8,0\text{m}$ ; đường gom 2 bên:  $5,5 + 5,5 = 11,0\text{m}$ ; hè:  $5,0 + 5,0 = 10,0\text{m}$ ; CGĐĐ 48,0m;

+ Đoạn đi sát phía Tây đê sông Yên (MCN 2A-2A, bỏ đường gom phía Đông): Lòng đường chính:  $8,0+8,0=16,0\text{m}$ ; phân cách giữa: 3,0m; phân cách bên phía Tây: 4,0m; đường gom 5,5m; hè:  $5,0 + 2,0 = 7,0\text{m}$ ; CGĐĐ 35,5m;

+ Đoạn qua khu vực nhà thờ Thủy Cơ (MCN 2B-2B, bỏ đường gom phía Đông): Lòng đường chính:  $8,0 + 8,0 = 16,0\text{m}$ ; phân cách giữa: 3,0m; phân cách bên phía Tây: 4,0m; đường gom 5,5m; hè:  $5,0 + 2,0 = 7,0\text{m}$ ; CGĐĐ 35,5m; xây dựng tường chắn phía Đông giáp đê sông Yên.

- Đường tỉnh 525 kéo dài, 525 cải dịch (MCN 3-3): Lòng đường:  $12,0 + 12,0 = 24,0\text{m}$ ; phân cách giữa: 3,0m; vỉa hè:  $6,0+6,0 = 12,0\text{m}$ ; CGĐĐ 39,0 m;

- Đường Hải Châu - Ngọc Lĩnh (MCN 4-4): Lòng đường:  $10,5 + 10,5 = 21,0\text{m}$ ; phân cách giữa: 5,0m; vỉa hè:  $7,0+7,0 = 14,0\text{m}$ ; CGĐĐ 40,0 m;

- Đường sát bờ biển (ven đê biển Nghi Sơn): Mặt cắt 6-6: Lòng đường:  $7,5 + 7,5 = 15,0\text{m}$ ; vỉa hè:  $5,0 + 5,0 = 10,0\text{m}$ ; CGDD 25,0m;

\* Giao thông đối nội

Đường giao thông đối nội được chủ yếu thiết kế với các mặt cắt có quy mô lộ giới từ 17,5m đến 29,0m, với quy mô mặt cắt ngang như sau:

- Mặt cắt 5-5: Lòng đường:  $7,5 + 7,5 = 15,0\text{m}$ ; Vỉa hè:  $7,0 + 7,0 = 14,0\text{m}$ ; CGDD 29,0 m.

- Mặt cắt 6-6: Lòng đường:  $7,5 + 7,5 = 15,0\text{m}$ ; Vỉa hè:  $5,0 + 5,0 = 10,0\text{m}$ ; CGDD 25,0 m.

- Mặt cắt 7-7: Lòng đường:  $5,25 + 5,25 = 10,5\text{m}$ ; Vỉa hè:  $5,0 + 5,0 = 10,0\text{m}$ ; CGDD 20,5 m.

- Mặt cắt 8-8: Lòng đường:  $3,75 + 3,75 = 7,5\text{m}$ ; Vỉa hè:  $5,0 + 5,0 = 10,0\text{m}$ ; CGDD 17,5 m.

\* Giao thông tĩnh, giao thông công cộng

- Các khu vực trung tâm thương mại, khu du lịch, dịch vụ và nhà ở xã hội cần xây dựng bãi đỗ xe tập trung đảm bảo nhu cầu trong tương lai.

- Tại khu vực đô thị mới các bãi đỗ xe được bố trí hợp lý trong các khu cây xanh và công trình công cộng nhằm tiết kiệm đất xây dựng.

- Chỉ tiêu quỹ đất dành cho bãi đỗ xe công cộng được tính và lựa chọn trên cơ sở chỉ tiêu áp dụng ở các đô thị Việt Nam ( $2,5\text{m}^2/\text{người}$ ).

## 6.2. Quy hoạch san nền

- Cao độ san nền thấp nhất là 3,0m; Cao độ san nền cao nhất là 5,0m; Độ dốc san nền  $i = 0,005 - 0,01$ .

- Hướng dốc san nền chính là tạo dốc theo hướng dốc địa hình tự nhiên theo hướng Tây sang Đông để thuận lợi thoát nước xuống sông Yên.

## 6.3. Quy hoạch hệ thống thoát nước

a) Thoát nước mưa:

- Thiết kế độc lập hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải.

- Khu vực phân khu số 10 được phân thành 2 lưu vực chính:

+ Lưu vực phía Bắc (thuộc Bắc Hải Châu): nước mưa thoát vào hệ thống cống dọc đường, xả về hướng Tây - Bắc, xuống sông Yên qua các điểm xả ngầm đê.



+ Lưu vực phía Nam (Nam Hải Châu - Hải Ninh): nước mưa thoát vào hệ thống cống dọc đường, xả về hướng Đông, xuống sông Yên, biển Đông qua các điểm xả ngầm đê.

- Hệ thống thoát nước mưa chủ yếu được xây dựng bằng cống ngầm BTCT đường kính D600 đến D1200 đặt giữa các tuyến đường giao thông

- Cửa thu được bố trí với khoảng cách trung bình 30 - 35m/ga

- Hệ thống cửa xả được xây dựng ngầm dưới mặt biển đảm bảo mỹ quan cho khu vực.

b) Thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải được thiết kế độc lập hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa. Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt của phân khu số 10 sau khi xử lý sơ bộ tại nguồn sẽ được thu gom và dẫn về trạm xử lý tại khu vực gần Cảng tổng hợp, công suất trạm xử lý: 4.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nước thải được xử lý đạt loại B (TCVN - 51:1984), sẽ được xả ra sông Ghép.

#### **6.4. Quy hoạch cấp điện**

- Nguồn cấp: Nguồn điện cấp cho khu vực được lấy từ Trạm biến áp 110kV Tĩnh Gia 3 cách khu đất lập quy hoạch khoảng 3km về phía Tây, có công suất 2x4025MVA - 110/22kV (Theo đề án “Điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung khu kinh tế Nghi Sơn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050” đã được phê duyệt).

- Trạm biến áp: Xây dựng và nâng cấp các trạm biến áp khoảng 53 trạm biến áp, với tổng công suất 19.300kVA.

- Tất cả lưới điện trung áp trong khu vực được thiết kế sử dụng điện áp 22kV để chuẩn hóa thiết bị toàn quốc. Xây dựng mới từ trạm 110kV Tĩnh Gia 3, sử dụng loại cáp ngầm chống thấm dọc chôn trực tiếp trong đất.

- Xây dựng mới 2 lộ cáp ngầm 22kV từ trạm 110kV Tĩnh Gia 3 chạy ngầm phía Bắc tỉnh lộ 525 kéo dài tới nút giao phía Đông QL1.

#### **6.5. Quy hoạch cấp nước**

- Dự báo nhu cầu dùng nước lớn nhất trong ngày: 5.200 (m<sup>3</sup>/ngđ);

- Nguồn nước cấp cho khu vực nghiên cứu lấy từ nhà máy nước Anh Phát (nhà máy nước sạch tại hồ Quế Sơn, xây dựng năm 2017: Chủ đầu tư là Tổng công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát – CTCP).

- Công suất hiện nay 60.000m<sup>3</sup>/ng.đ - lấy nguồn nước từ các hồ Quế Sơn, Sông Mực, Yên Mỹ.

- Đường ống cấp nước đặt bên dưới vỉa hè, độ sâu đặt ống trung bình 0.7m.

- Lựa chọn mạng lưới cấp nước mạng vòng với ống phân phối và mạng cắt đối với ống dịch vụ. Trên mạng bố trí các trụ cứu hoả với khoảng cách trung bình 100-150 m/trụ.

### **6.6. Viễn thông thụ động**

- Tổng nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông của khu vực là 5.150 đường dây thuê bao. Hiện có 21 trạm viễn thông (BTS) hiện có đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông trên địa bàn. Các khu dân cư phát triển mới sẽ phải bổ sung thêm các trạm thu phát sóng để đảm bảo bán kính phủ vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ

- Bố trí lại hệ thống các trạm phát sóng (BTS) hiện có nhằm đảm bảo quy cách và an toàn theo quyết định 3705/QĐ-UBND ngày 24/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Cải tạo, di chuyển mạng cáp quang liên tỉnh từ dọc theo Quốc lộ 1 lên vỉa hè, giải bonval của đường.

- Xây dựng mới 01 tuyến cáp quang ngầm cáp vùng từ trạm chuyển mạch trung tâm tỉnh Thanh Hóa dọc theo tuyến đường ĐB Ven Biển rồi đầu nối tới trạm chuyển mạch cố định mới (theo QHC đã xác định) để phục vụ cho toàn khu vực và tạo thành mạch vòng với khu vực lân cận.

- Từ trạm viễn thông trung tâm kéo các tuyến cáp đến các tủ cáp trong các khu vực đô thị. Từ các tủ cáp đầu nối tới hộp cáp và từ hộp cáp sẽ dẫn đến các thuê bao (thiết bị đầu cuối).

### **6.7. Chất thải rắn, vệ sinh môi trường**

- Chất thải rắn: được thu gom vào các thùng rác công cộng đặt dọc theo các tuyến đường giao thông hoặc trong các khu vực công cộng. Xe chuyên dụng sẽ thu gom và vận chuyển đến trạm trung chuyển rác thải. Rác thải sau khi được tập kết sẽ được chuyển đi xử lý tập trung tại Khu xử lý chất thải rắn Trường Lâm.

- Nghĩa trang: Các nghĩa địa hiện có diện tích 0,3ha trở xuống đóng cửa không bố trí, tổ chức hung táng. Từng bước di chuyển về nghĩa trang tập trung Thọ Cừ, cải tạo thành công viên tâm linh. Những nghĩa trang có diện tích 0,3ha trở lên có thể mở rộng thì vẫn sử dụng để đáp ứng nhu cầu trước mắt của nhân dân. Đến năm 2035 di chuyển toàn bộ các khu nghĩa trang trong khu vực về Nghĩa trang Thọ Cừ phường Tân Dân.

## **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

### 1. UBND thị xã Nghi Sơn có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện.

- Tổ chức bàn giao hồ sơ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị số 10, Khu kinh tế Nghi Sơn cho Sở Xây dựng, địa phương, làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị ranh giới quy hoạch, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ ...) quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Sở Xây dựng và các ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định của pháp luật.

### **Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 3 Quyết định;
  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
  - Lưu: VT, CN.
- H26.(2021)QDPD\_QHPK KDT so 10

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**